FireAnt

KẾT QUẢ KINH DOANH

Ngày 31/12/2024	8,720 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	3.9%	7.8%	2.0%

DT thuần

2024

709 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 34.0
▼ 4.5%

LN gộp

2024

202 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 54.0
▼ 21.1%

LN thuần

2024

43.4 *tỷ VNĐ*

YoY
▲ 19.3
▲ 80.2%

LN sau thuế

2024

1.63 *tỷ VNĐ*

YoY
▼ 1.76
▼ 51.9%

ROE

2024

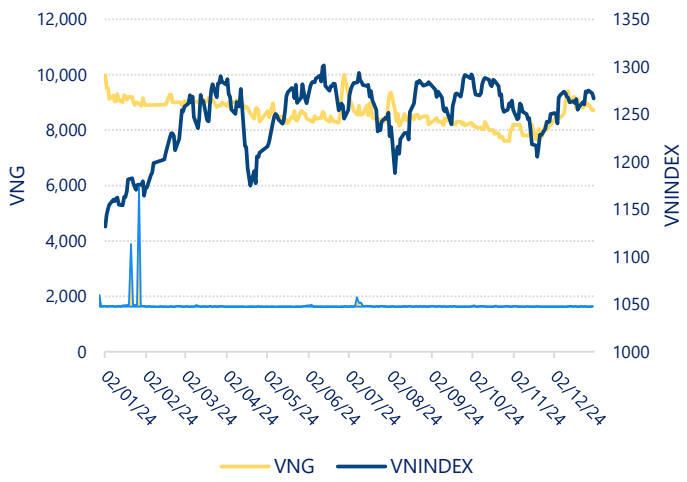
0.2%

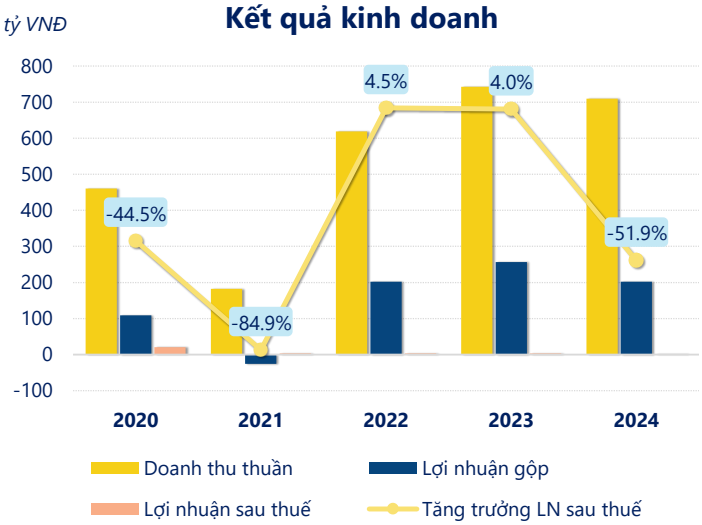
+/- YoY
▼ 0.1%

ROA

2024

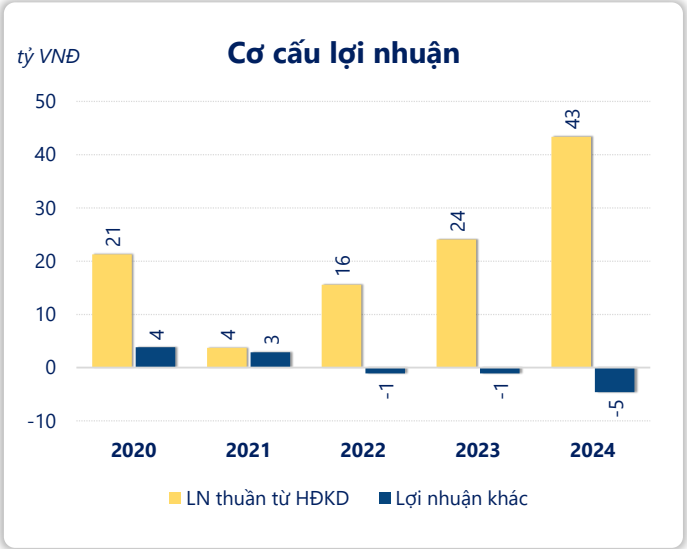
0.1%

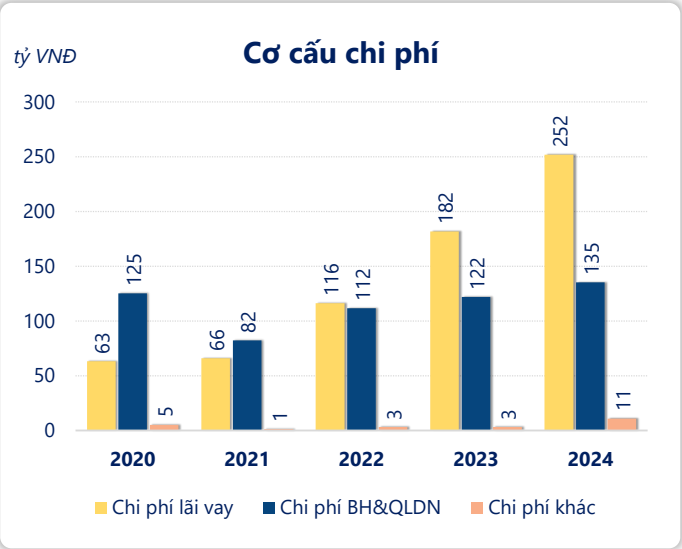




Kết quả kinh doanh **VNG** năm **2024**, doanh thu thuần đạt **709.4** tỷ đồng **giảm 4.47%**, lợi nhuận sau thuế **giảm mạnh 51.9%** chỉ còn **1.63** tỷ đồng.

Sự sụt giảm về doanh thu và lợi nhuận cùng với **ROE** ở mức **0.21%**. Cho thấy công ty đang gặp khó khăn trong việc duy trì và tăng trưởng lợi nhuận. Cần tối ưu hóa hoạt động và quản lý vốn hiệu quả.

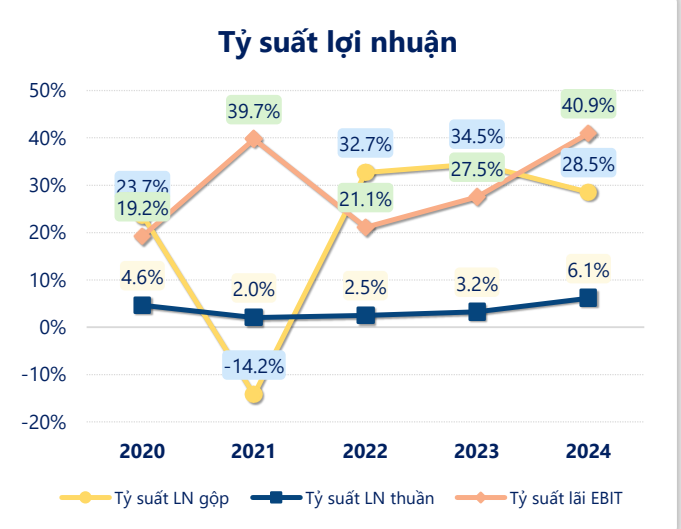


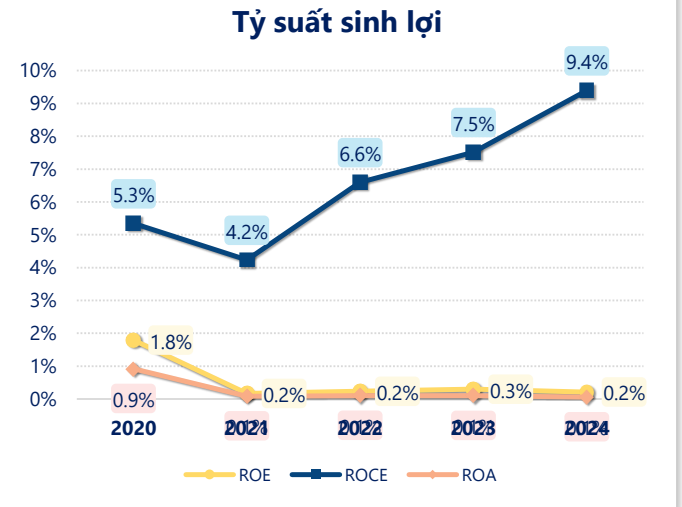


Năm **2024**, **VNG** có **lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** đạt **43.37** tỷ đồng, **tăng lên 19.30** tỷ so với năm trước. Và cao hơn mức bình quân lợi nhuận thuần 5 năm (21.60 tỷ đồng) là 21.77 tỷ đồng. Cho thấy xu hướng tích cực từ hoạt động kinh doanh khi có sự phục hồi trong những năm gần đây.

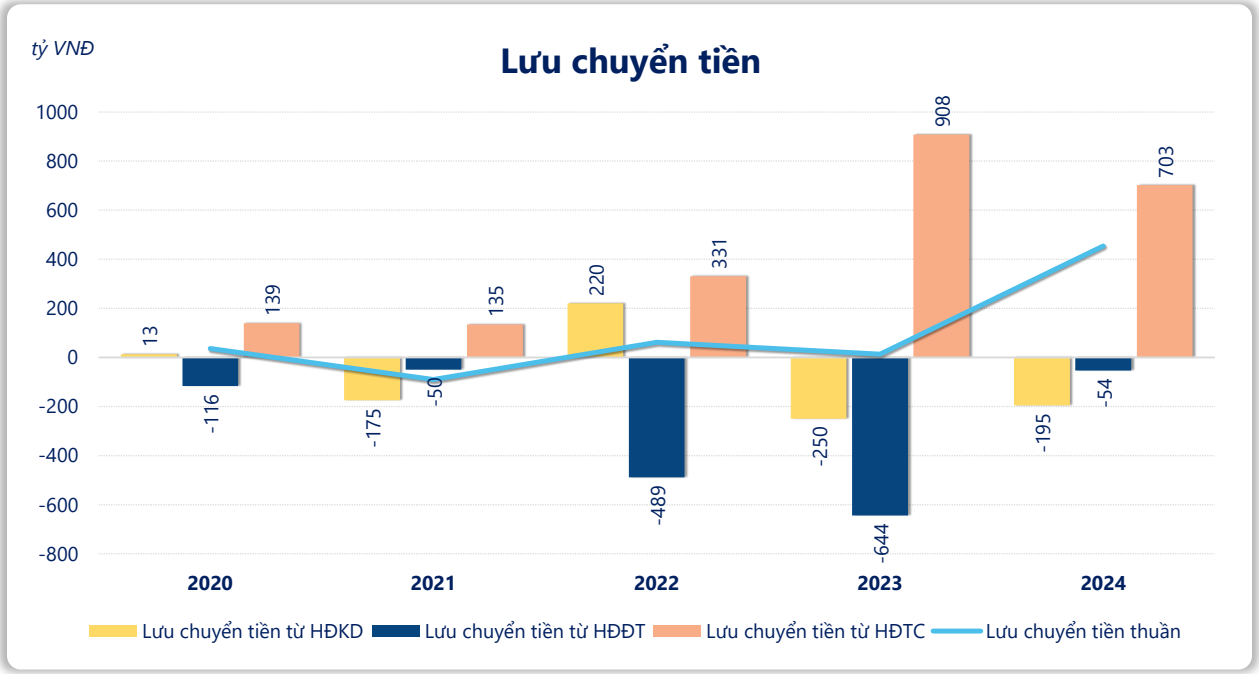
Chi phí lãi vay tăng lên so với năm trước, ở mức **251.7** tỷ đồng. Cùng với đó **chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp** cũng **tăng lên**, ở mức **135.2** tỷ đồng. Bên cạnh đó, **chi phí khác** bằng **10.88** tỷ đồng, **tăng lên** so với năm trước.

ROE của VNG năm 2024 **giảm** so với năm trước còn **0.21%**, **thấp hơn mức bình quân** trong vòng 5 năm gần đây.





KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	2020	2021	2022	2023	2024
Doanh thu thuần	**461**	**182**	**619**	**743**	**709**
Giá vốn hàng bán	352	208	417	486	507
Lợi nhuận gộp	**109**	**-26.0**	**202**	**256**	**202**
Doanh thu HĐTC	106	192	63.2	78.9	292
Chi phí TC	64.8	71.8	134	200	312
Chi phí lãi vay	**63.3**	**65.9**	**116**	**182**	**252**
LN trong công ty LKLD	-3.78	-8.25	-4.00	11.0	-3.41
Chi phí bán hàng	19.9	14.1	28.6	29.3	47.5
Chi phí QLDN	105	68.1	82.9	92.6	87.8
LN thuần từ HĐKD	**21.3**	**3.71**	**15.6**	**24.1**	**43.4**
Lợi nhuận khác	3.81	2.88	-1.07	-1.12	-4.59
LN trước thuế	**25.1**	**6.59**	**14.5**	**22.9**	**38.8**
Lợi nhuận sau thuế	**20.7**	**3.12**	**3.26**	**3.39**	**1.63**
LNST của CĐ cty mẹ	**19.8**	**1.91**	**2.61**	**3.33**	**2.40**



Lưu chuyển tiền thuần năm 2024 của VNG bằng **454.1** tỷ đồng, **tăng** so với năm 2023 (13.64 tỷ đồng). Trong đó, lưu chuyển tiền từ **hoạt động kinh doanh** bằng **-194.8** tỷ đồng, từ **hoạt động đầu tư** là **-53.80** tỷ đồng và từ **hoạt động tài chính** là **702.7** tỷ đồng.